

Số: 274/TTr-UBND

Đức Cơ, ngày 17 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện – Khóa VII, Kỳ họp thứ Tư.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 18/8/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 18/8/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022.

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Hội đồng nhân dân huyện xem xét giao kế hoạch đầu tư công năm 2022, như sau:

I. Tổng vốn đầu tư công năm 2022 (Chưa bao gồm: Vốn đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn Ngân sách Trung ương, vốn trong cân đối theo tiêu chí do tỉnh đầu tư): 59.475,189 triệu đồng, bao gồm:

1. Nguồn cân đối theo tiêu chí tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư: 21.354 triệu đồng

2. Nguồn thu từ tiền sử dụng đất: 37.000 triệu đồng; trong đó:

a. Trích nộp 10% tiền sử dụng đất về tỉnh để Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, số tiền: 3.700 triệu đồng

b. Số còn lại 90% để đầu tư, số tiền: 33.300 triệu đồng; trong đó:

- Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư: 23.940 triệu đồng;
+ Tiền sử dụng đất huyện: 21.600 triệu đồng;
+ Tiền sử dụng đất do xã trích nộp về huyện 20%, số tiền: 2.340 triệu đồng

- Tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư các dự án và đối ứng Chương trình Hạ tầng giao thông và Kiên cố hóa kênh mương số tiền: 9.360 triệu đồng (Đã tính trích nộp về tỉnh 10%, số tiền 1.300 triệu đồng, trích nộp về huyện 20%, số tiền: 2.340 triệu đồng)

3. Nguồn kết dư ngân sách: 1.121,189 triệu đồng.

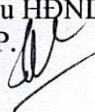
II. Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án:

(Có biểu chi tiết số 01, 02 kèm theo)

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Lưu VT-VP.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Mạnh Định

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 274/TTr-UBND, ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư năm 2022	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
	TỔNG CỘNG					192.830,000	16.047,000	59.475,189	
A	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư					43.360,000	574,000	21.354,000	
1	Duy tu, bảo dưỡng Đường Anh Hùng Núp	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	40/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2892/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	2.310,000	60,000	2.140,000	
2	Trường Tiểu học Ngô Mỹ	Xã Ia Kla	Năm 2022	Xây dựng 02 phòng học lý thuyết + 02 phòng học bộ môn; 01 phòng thư viện, nhà hiệu bộ; thiết bị	42/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2962/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	6.300,000	160,000	5.840,000	
3	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Ia Lang	Xã Ia Lang	Năm 2022	Nhà làm việc cấp IV, 1 Tầng, DTXD: 150 m ² và các hạng mục phụ	48/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2961/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	840,000		800,000	
4	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Xã Ia Kla	Năm 2022	Nhà học 03 phòng học lý thuyết, thiết bị, sân bê tông	51/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 3190/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	1.650,000		1.600,000	
5	Trường Mầm non Hải Âu	Xã Ia Krêl	Năm 2022	01 phòng Mầm non: DTXD 70m ² , sân bê tông, thiết bị	52/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 3019/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	520,000		500,000	
6	Trụ sở UBND xã Ia Lang	Xã Ia Lang	Năm 2022	Nhà làm việc cấp III, 01 tầng, DTXD 150 m ² và các hạng mục phụ, thiết bị	60/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 3020/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	1.570,000		1.500,000	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư năm 2022	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
7	Đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài tuyến L=1,347km. Bn=18m; Bm=7,9x2=15,8m; Bđpc=1,2m; Mặt đường bê tông nhựa, hệ thống thoát nước	85/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2561/QĐ-UBND ngày 16/10/2021	17.800,000	214,000	6.286,000	(1)
8	Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Sân, đường nội bộ, hệ thống điện, nước và các hạng mục phụ	84/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3131/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	12.110,000	140,000	2.428,000	(2)
9	Chuẩn bị đầu tư					260,000		260,000	
B	Nguồn vốn tiền sử dụng đất					131.670,000	15.473,000	37.000,000	
I	Tiền sử dụng đất giao theo kế hoạch tỉnh					121.070,000	15.473,000	24.000,000	
1	Điều tiết 10% tiền sử dụng đất về tỉnh để Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính				82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	10.500,000	883,000	2.400,000	
2	Tiền sử dụng đất để lại cho địa phương đầu tư (huyện, xã)					110.570,000	14.590,000	21.600,000	
2.1	Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư					60.570,000	7.590,000	15.552,000	
	Tiền sử dụng đất còn lại sau khi trích nộp 10% về tỉnh							14.040,000	
	Tiền sử dụng đất 20% do cấp xã trích nộp về huyện							1.512,000	
2.1.1	Giải phóng mặt bằng các công trình huyện	Huyện Đức Cơ				12.110,000	0,000	610,000	
	Di tích lịch sử Chiến thắng Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022		84/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3131/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	12.110,000		610,000	Lồng ghép vốn XDCB

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư năm 2022	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
2.1.2	Tiền sử dụng đất còn lại cho đầu tư					41.360,000	6.260,000	13.442,000	
a	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2021-2022	Huyện Đức Cơ	1730/QĐ-UBND ngày 28/10/2020; 1999/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	2.090,000	1.600,000	440,000	Công trình chuyển tiếp
b	Đường Quy hoạch Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, Đ6, Đ8, Tổ dân phố 7, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021-2022	Chiều dài L=1,125km, Bn=11,9 ÷ 14,9 m, Bm=7,5 ÷ 10,5 m, đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m ² ; đan rãnh bó vỉa, vỉa hè và hệ thống thoát nước	1782/QĐ-UBND ngày 06/11/2020; 756/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	7.500,000	1.660,000	5.370,000	Công trình chuyển tiếp
c	Thu thập, chỉnh lý, số hóa, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường giai đoạn 2022-2024	Huyện Đức Cơ	Năm 2022-2024	Huyện Đức Cơ	82/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3145/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	2.500,000		809,000	
d	Thống kê đất đai giai đoạn 2021-2023 huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2022-2024	Huyện Đức Cơ	81/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3144/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	670,000		223,000	
e	Đường Quy hoạch khu dân cư (phía Tây Hội trường Tổ dân phố 7) thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài L=0,72364 km, Bn=11,7 m, Bm=10,5 m; đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m ² và hệ thống thoát nước	54/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2773/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	5.200,000		1.000,000	
f	Đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài, L=1,347km. Bn=18m; Bm=7,9x2=15,8m; Bđpc=1,2m; Mặt đường BTN, hệ thống thoát nước	85/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2561/QĐ-UBND ngày 16/10/2021	17.800,000		2.000,000	Lồng ghép vốn
h	Cải tạo, chỉnh trang diện chiếu sáng công cộng đường Trường Chinh	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài, L=1,46km. Cột thép mã kẽm H=9m; Cản đèn thép mạ kẽm Ø48, dây CVV 4x16mm ² từ điều khiển 2 chế độ, bóng Led 150W.	72/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2963/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	2.600,000		600,000	
i	Hỗ trợ Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương	Các xã, thị trấn	Năm 2022		280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	3.000,000	3.000,000	3.000,000	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư năm 2022	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
2.1.3	Tiền sử dụng đất còn lại chưa phân bổ chờ hoàn chỉnh các thủ tục					7.100,000	1.330,000	1.500,000	
a	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cấp huyện	Huyện Đức Cơ	Năm 2022	Huyện Đức Cơ		600,000		300,000	
b	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2022	Huyện Đức Cơ		500,000		200,000	
c	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư, điều chỉnh quy hoạch, cắm mốc quy hoạch	Huyện Đức Cơ	Năm 2022	Huyện Đức Cơ		6.000,000	1.330,000	1.000,000	
2.2	Tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư					50.000,000	7.000,000	6.048,000	Chi tiết có phụ biểu kèm theo
II	Tăng thu tiền sử dụng đất					10.600,000	0,000	13.000,000	
1	Điều tiết 10% tiền sử dụng đất về tỉnh để Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính				82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh			1.300,000	
2	Tiền sử dụng đất để lại cho địa phương đầu tư (huyện, xã)					10.600,000	0,000	11.700,000	
2..1	Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư					10.600,000	0,000	8.388,000	
	Tiền sử dụng đất còn lại sau khi trích nộp 10% về tỉnh							7.560,000	
	Tiền sử dụng đất 20% do cấp xã trích nộp về huyện							828,000	
2.1.1	Giải phóng mặt bằng các công trình huyện	Huyện Đức Cơ				10.600,000	0,000	1.390,000	
a	Nhà văn hóa xã Ia Din	Xã Ia Din	Năm 2022		54/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	3.600,000		730,000	Lồng ghép vốn XDCB

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư năm 2022	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
b	Trường Tiểu học Hùng Vương	Xã Ia Din	Năm 2022		55/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	7.000,000		660,000	nt
2.1.2	Tiền sử dụng đất còn lại cho đầu tư					0,000	0,000	5.898,000	
a	Thu thập, chỉnh lý, số hóa, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường giai đoạn 2022-2024	Huyện Đức Cơ	Năm 2022-2024	Huyện Đức Cơ	82/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3145/QĐ-UBND ngày 15/12/2021			391,000	
b	Đường Quy hoạch khu dân cư (phía Tây Hội trường Tổ dân phố 7) thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài L=0,72364 km, Bn=11,7 m, Bm=10,5 m; đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m ² và hệ thống thoát nước	54/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2773/QĐ-UBND ngày 08/11/2021			733,000	
c	Đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài, L=1,347km. Bn=18m; Bm=7,9x2=15,8m; Bđpc=1,2m; Mặt đường BTN, hệ thống thoát nước	85/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2561/QĐ-UBND ngày 16/10/2021			4.174,000	Lồng ghép vốn
d	Cải tạo, chỉnh trang điện chiếu sáng công cộng đường Trường Chinh	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài, L=1,46km. Cột thép mã kẽm H=9m; Cản đèn thép mạ kẽm Ø48, dây CVV 4x16mm ² tủ điều khiển 2 chế độ, bóng Led 150W.	72/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2963/QĐ-UBND ngày 26/11/2021			600,000	
2.1.3	Tiền sử dụng đất còn lại chưa phân bổ chờ hoàn chỉnh các thủ tục					0,000	0,000	1.100,000	
a	Chỉ công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cấp huyện	Huyện Đức Cơ	Năm 2022	Huyện Đức Cơ				300,000	
b	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2022	Huyện Đức Cơ				300,000	
c	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư, điều chỉnh quy hoạch, cắm mốc quy hoạch	Huyện Đức Cơ	Năm 2022	Huyện Đức Cơ				500,000	
2.2	Tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư							3.312,000	Chi tiết có phụ biểu kèm theo
C	Nguồn kết dư ngân sách					17.800,000		1.121,189	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư năm 2022	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
	Đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài, L=1,347km. Bn=18m; Bm=7,9x2=15,8m; Bdpc=1,2m; Mặt đường BTN, hệ thống thoát nước	85/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2561/QĐ-UBND ngày 16/10/2021	17.800,000		1.121,189	Lồng ghép vốn

Chú thích:

- (1) Công trình: Đường Nguyễn Văn Linh thị trấn Chư Ty, kế hoạch năm 2022: 16.506,189 triệu đồng. Trong đó: Nguồn tỉnh phân cấp theo tiêu chí: 6.286 triệu đồng; nguồn tiền sử dụng đất: 2.000 triệu đồng; tăng thu tiền sử dụng đất: 4.174 triệu đồng; nguồn kết dư ngân sách: 1.121,189 triệu đồng; nguồn sự nghiệp giao thông: 2.925 triệu đồng (sau tiết kiệm)
- (2) Công trình: Di tích lịch sử Chiến thắng Chư Ty, kế hoạch năm 2022: 9.653,0 triệu đồng. Trong đó: Nguồn tỉnh phân cấp theo tiêu chí: 2.428 triệu đồng; nguồn tiền sử dụng đất: 610 triệu đồng (Giải phóng mặt bằng); nguồn chính trang đô thị: 6.615 triệu đồng (sau tiết kiệm)

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**Nguồn vốn tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư***(Kèm theo Tờ trình số 274/TTr-UBND, ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Tổng cộng	Trích nộp về tỉnh 10% để thực hiện dự án đo đạc	Điều tiết về cấp huyện 20%	Tiền sử dụng đất để lại cấp xã đầu tư	Ghi chú
1	2	3	$4 = (3) * 10\%$	$5 = ((3) - (4)) * 20\%$	$6 = (3) - (4) - (5)$	
	TỔNG SỐ	13.000,0	1.300,0	2.340,0	9.360,0	
I	Tiền sử dụng đất giao theo kế hoạch	8.400,0	840,0	1.512,0	6.048,0	
1	Xã Ia Nan	780,0	78,0	140,4	561,6	
2	Xã Ia Pnôn	390,0	39,0	70,2	280,8	
3	Xã Ia Dom	1.300,0	130,0	234,0	936,0	
4	Xã Ia Kriêng	1.800,0	180,0	324,0	1.296,0	
5	Xã Ia Krêl	3.640,0	364,0	655,2	2.620,8	
6	Xã Ia Din	220,0	22,0	39,6	158,4	
7	Xã Ia Dok	190,0	19,0	34,2	136,8	
8	Xã Ia Kla	40,0	4,0	7,2	28,8	
9	Xã Ia Lang	40,0	4,0	7,2	28,8	

TT	Đơn vị, địa phương	Tổng cộng	Trích nộp về tỉnh 10% để thực hiện dự án đo đạc	Điều tiết về cấp huyện 20%	Tiền sử dụng đất để lại cấp xã đầu tư	Ghi chú
1	2	3	$4 = (3) * 10\%$	$5 = ((3) - (4)) * 20\%$	$6 = (3) - (4) - (5)$	
II	Tăng thu tiền sử dụng đất	4.600,0	460,0	828,0	3.312,0	
1	Xã Ia Nan	420,0	42,0	75,6	302,4	
2	Xã Ia Pnôn	210,0	21,0	37,8	151,2	
3	Xã Ia Dom	700,0	70,0	126,0	504,0	
4	Xã Ia Kriêng	1.040,0	104,0	187,2	748,8	
5	Xã Ia Krêl	1.960,0	196,0	352,8	1.411,2	
6	Xã Ia Dìn	120,0	12,0	21,6	86,4	
7	Xã Ia Dok	110,0	11,0	19,8	79,2	
8	Xã Ia Kla	20,0	2,0	3,6	14,4	
9	Xã Ia Lang	20,0	2,0	3,6	14,4	